

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BA ĐỒN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HS-ST

Ngày: 04 - 12 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H2 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Dương

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Hưng và ông Trần Văn Toàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2020/TLST-HS ngày 31/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HS ngày 28/9/2020 đối với bị cáo:

Tô Thị Thu H, sinh ngày 04 tháng 9 năm 1984 tại Quảng Bình; Nơi cư trú: thôn N, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Ngọc C và bà Trần Thị Nh; có chồng là Chu Văn Th (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Câm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 15/6/2020 đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Nguyễn Thị Mai H1, sinh năm 1977, Nơi cư trú: thôn X, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ 2.

Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1973, Nơi cư trú: Khu phố 1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ 2.

Chị Dương Thị B, sinh năm 1969, Nơi cư trú: thôn Th, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ 2.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2019, Tô Thị Thu H đến thuê phòng trọ và đăng ký tạm trú tại tổ dân phố Minh Phương, phường Quảng Thọ, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 21/10/2019, chị Nguyễn Thị Mai H1 đến nhà trọ của H để vay số tiền 50.000.000 đồng. H và chị H1 thoả thuận cho vay với lãi suất 6.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất 0,6%/ngày và 219%/năm (gấp 10,95 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Bộ luật dân sự quy định là 20%/năm), thời hạn vay là 01 tháng. H đã lấy trước tiền lãi của 01 tháng là 9.000.000 đồng, còn 41.000.000 đồng thì giao cho chị H1. Đến ngày 21/11/2019, do chị H1 không trả được số tiền nợ theo cam kết nên chị H1 đã đến gặp H và viết lại giấy vay tiền mới với số tiền 50.000.000 đồng, đồng thời trả tiếp số tiền lãi của tháng tiếp theo là 9.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó chị H1 vẫn không trả được số tiền nợ gốc cho H mà chỉ trả được 2.000.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 21/3/2020, chị H1 đến gặp H và viết lại giấy vay tiền mới với số tiền là 84.000.000 đồng (bao gồm 50.000.000 đồng tiền gốc và 34.000.000 đồng tiền lãi từ tháng 12/2019 đến tháng 3/2020, đã trừ 2.000.000 đồng tiền lãi đã trả được đó). Tổng cộng H đã cho chị H1 vay số tiền là 50.000.000 đồng, số tiền lãi mà H đã thu của chị H1 là 20.000.000 đồng.

Ngày 26/10/2019, chị Nguyễn Thị H2 đến nhà trọ của H để vay số tiền 50.000.000 đồng. H và chị Hoà thoả thuận cho vay với lãi suất 6.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất 0,6%/ngày và 219%/năm (gấp 10,95 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Bộ luật dân sự quy định là 20%/năm), thời hạn vay là 01 tháng. H đã lấy trước tiền lãi của 01 tháng là 9.000.000 đồng, còn 41.000.000 đồng thì giao cho chị H2. Ngày 27/10/2019, do cần tiền nên chị H2 tiếp tục đến gặp H để vay thêm 50.000.000 đồng với thoả thuận như trên, H cũng lấy trước tiền lãi 01 tháng là 9.000.000 đồng và giao cho chị Hoà 41.000.000 đồng. Đến ngày 26/11/2019, chị H2 đã đến gặp H trả tiếp số tiền lãi của tháng 12/2019 là 18.000.000 đồng. Từ tháng 12/2019 đến tháng 3/2020, chị H2 nhiều lần gặp H để trả tiền lãi, tổng cộng là 17.000.000 đồng còn tiền gốc chị H2 chưa trả được. Đến ngày 23/3/2020, chị H2 đến gặp H và viết lại giấy vay tiền mới ghi ngày vay là 26/3/2020 với số tiền là 137.000.000 đồng (bao gồm 100.000.000 đồng tiền gốc và 37.000.000 đồng tiền lãi, đã trừ tiền lãi đã trả được đó). Tổng cộng H đã cho chị H2 vay số tiền là 100.000.000 đồng, số tiền lãi mà H đã thu của chị H2 là 53.000.000 đồng.

Ngày 04/11/2019, chị Dương Thị B đến nhà trọ của H để vay số tiền 60.000.000 đồng. H và chị B thoả thuận cho vay với lãi suất 6.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất 0,6%/ngày và 219%/năm (gấp 10,95 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Bộ luật dân sự quy định là 20%/năm), thời hạn vay là 01 tháng. H không lấy lãi trước mà giao cho chị B 60.000.000 đồng. Đến ngày 04/01/2020, do chị B không trả được số tiền nợ theo cam kết nên chị đã đến gặp H và viết lại giấy vay tiền mới với số tiền 83.000.000 đồng (bao gồm 60.000.000 đồng tiền gốc, 21.000.000 đồng tiền lãi và 2.000.000 đồng là số tiền chị B mượn trước đó, chưa viết giấy vay nên H nhập chung vào khoản vay này). Tuy nhiên, sau đó chị B vẫn không trả được số tiền nợ cho H nên đến ngày 24/02/2020, chị B tiếp tục đến gặp H và viết lại giấy vay tiền mới với số tiền là 113.000.000 đồng, thời hạn vay là 15 ngày, hẹn trả vào ngày 08/3/2020 (bao gồm 83.000.000 đồng theo giấy vay ngày 04/01/2020 và tiền lãi từ

ngày 04/01/2020 đến 08/3/2020 là 30.000.000 đồng, đã trừ 2.000.000 đồng tiền lãi đã trả được đó và H giảm 370.000 đồng tiền lãi). Sau đó, chị B có trả được cho H 5.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng H đã cho chị B vay số tiền là 62.000.000 đồng, số tiền lãi mà H đã thu của chị B là 7.000.000 đồng.

Như vậy, Tô Thị Thu H đã cho chị Nguyễn Thị Mai H1, Nguyễn Thị H2, Dương Thị B vay tổng số tiền là 212.000.000 đồng với mức lãi suất được thỏa thuận bằng miệng là 6.000 đồng/1.000.0000 đồng/1 ngày, tương ứng với mức lãi suất 0,6%/ngày và 219%/năm, mức lãi suất này gấp 10,95 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Bộ luật dân sự quy định là 20%/năm. Tổng số tiền lãi H thu được là 80.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn đã thu giữ 01 cuốn sổ nhãn hiệu “BUSINESS” bìa màu đỏ, bên trong có ghi nội dung vay tiền của H và những người liên quan do Tô Thị Thu H giao nộp.

Tại bản Cáo trạng số 50/CT-VKSTXBĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Tô Thị Thu H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Tô Thị Thu H từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.

Áp dụng các điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử buộc bị cáo phải nộp 20% số tiền lãi mà H đã thu được từ những người vay là 7.305.936 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước; buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền mà bị cáo đã cho vay chưa trả cho bị cáo để sung vào Ngân sách Nhà nước cụ thể: Nguyễn Thị Mai H1 phải nộp 50.000.000 đồng; Nguyễn Thị H2 phải nộp 100.000.000 đồng; Dương Thị B phải nộp 62.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải trả lại số tiền lãi vượt quá quy định của Nhà nước cho những người liên quan cụ thể: Trả lại cho chị Nguyễn Thị Mai H1 số tiền 18.173.516 đồng; trả lại cho chị Nguyễn Thị H2 số tiền 48.159817 đồng; trả lại cho chị Dương Thị B số tiền 6.360.731 đồng.

Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ 01 cuốn sổ, nhãn hiệu BUSINESS, bìa màu đỏ, kích thước 17,5cm x 25cm, bên trong ghi nội dung vay tiền của bị cáo với người liên quan.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố và phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức an cải tạo không giam giữ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã Ba Đồn, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hay khiếu nại gì.

[2] Về hành vi phạm tội: quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều thừa nhận: vì muốn thu lợi bất chính từ việc cho vay với lãi suất cao, từ tháng 10/2019 đến tháng 3/2020: Bị cáo Tô Thị Thu H đã cho chị Nguyễn Thị Mai H1 vay với số tiền là 50.000.000 đồng, với mức lãi suất là 6.000 đồng/1.000.0000 đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất 0,6%/ngày và 219%/năm, bị cáo đã thu tiền lãi là 20.000.000 đồng, theo quy định của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất là 1.826.484 đồng ( $20.000.000 \text{ đồng} / 219\% \times 20\% = 1.826.484 \text{ đồng}$ ), bị cáo thu lợi bất chính 18.173.516 đồng ( $20.000.000 \text{ đồng} - 1.826.484 \text{ đồng} = 18.173.516 \text{ đồng}$ ); cho chị Nguyễn Thị H2 vay với số tiền 100.000.000 đồng, với mức lãi suất là 6.000 đồng/1.000.0000 đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất 0,6%/ngày và 219%/năm, bị cáo đã thu tiền lãi là 53.000.000 đồng, theo quy định của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất là 4.840.183 đồng ( $53.000.000 \text{ đồng} / 219\% \times 20\% = 4.840.183 \text{ đồng}$ ), bị cáo thu lợi bất chính là 48.159.817 đồng ( $53.000.000 \text{ đồng} - 4.840.183 \text{ đồng} = 48.159.817 \text{ đồng}$ ); cho chị Dương Thị B vay tổng số tiền là 62.000.000 đồng với mức lãi suất là 6.000 đồng/1.000.0000 đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất 0,6%/ngày và 219%/năm, bị cáo đã thu tiền lãi là 7.000.000 đồng, theo quy định của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất là 639.269 đồng ( $7.000.000 \text{ đồng} / 219\% \times 20\% = 639.269 \text{ đồng}$ ), bị cáo thu lợi bất chính là 6.360.731 đồng ( $7.000.000 \text{ đồng} - 639.269 \text{ đồng} = 6.360.731 \text{ đồng}$ ).

Như vậy, tổng số tiền mà bị cáo cho chị Nguyễn Thị Mai H1, chị Nguyễn Thị H2, chị Dương Thị B vay là 212.000.000 đồng, với mức lãi suất là 6.000 đồng/1.000.0000 đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất 0,6%/ngày và 219%/năm, bị cáo đã thu tiền lãi là 80.000.000 đồng.

Xét thấy diễn biến hành vi phạm tội bị cáo khai nhận phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; mức lãi suất mà H cho vay gấp 10,95 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự mà Bộ luật dân sự quy định; trong số tiền lãi mà H thu được, số tiền lãi hợp pháp theo quy định là 7.305.936 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 72.694.064 đồng. Như vậy, đã có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận: bị cáo Tô Thị Thu Hiền đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực kinh tế, lợi dụng sự khó khăn của những người cần vốn để trục lợi cá nhân, gây bất bình trong dư luận, ảnh hưởng đến kinh tế xã hội trên địa bàn. Bị cáo là người trưởng thành, có nhận thức, biết hành vi cho vay lãi nặng của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Vì vậy, cần có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm đảm bảo răn đe, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, cũng cần xem xét cho bị cáo việc bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn

khai báo, ăn năn hối cải, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bố, mẹ bị cáo là người có công với nước, được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương là tình tiết được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[4] Về hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi của bị cáo ở mức ít nghiêm trọng, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì vậy cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo là cũng đủ nghiêm và cũng phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Về vật chứng vụ án: đối với 01 cuốn sổ nhãn hiệu “BUSINESS” bìa màu đỏ, bên trong có ghi nội dung vay tiền của H và những người liên quan do Tô Thị Thu H giao nộp, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn đã thu giữ trong quá trình điều tra đưa vào lưu giữ trong hồ sơ vụ án là phù hợp, tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với khoản thu lợi bất chính 72.694.064 đồng hiện bị cáo chiếm giữ, xét thấy đây là tài sản hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã bị H chiếm giữ thông qua hành vi phạm tội, do đó, cần buộc bị cáo phải trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp, cụ thể như sau: buộc trả lại cho chị Nguyễn Thị Mai H1 số tiền 18.173.516 đồng; trả lại cho chị Nguyễn Thị H2 số tiền 48.159.817 đồng; trả lại cho chị Dương Thị B số tiền 6.360.731 đồng.

Đối với khoản tiền gốc 212.000.000 đồng mà bị cáo cho chị Nguyễn Thị Mai H1 vay 50.000.000 đồng, cho chị Nguyễn Thị H2 vay 100.000.00 đồng, cho chị Dương Thị B vay 62.000.000 đồng nhằm, để thu lợi bất chính, là công cụ để phạm tội(toàn bộ số tiền này chị H1, chị B, chị H2 chưa trả lại cho bị cáo) nên cần căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi 20% trên số tiền bị cáo đã cho chị H1, chị H2, chị B vay theo quy định là 7.305.936 đồng bị cáo đã thu lãi là khoản tiền phát sinh khi thực hiện hành vi phạm tội, do phạm tội mà có nên cần căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 1 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Đoạn 2 khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự điểm a khoản 1

Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Tô Thị Thu H phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Tô Thị Thu H 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Buộc bị cáo Tô Thị Thu H phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Mai H1 18.173.516 đồng; trả lại cho chị Nguyễn Thị H2 số tiền 48.159.817 đồng; trả lại cho chị Dương Thị B số tiền 6.360.731 đồng.

Buộc bị cáo Tô Thị Thu H nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 7.305.936 đồng;

Buộc: chị Nguyễn Thị Mai H1 nộp 50.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị H2 nộp 100.000.000 đồng, chị Dương Thị B nộp 62.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về án phí: buộc bị cáo Tô Thị Thu H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với những người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án (đối với người vắng mặt) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Công an thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- THA phạt tù;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Văn Dương**

